

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2020/DS-PT  
Ngày 29-5-2020  
V/v tranh chấp quyền sử dụng  
đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Quán

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông H1 Tấn Phong – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Long An

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 115/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Toà án nhân dân huyện CG bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Ngọc H1, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Tổ 8, ấp TT B, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn N1, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp TT B, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND huyện CG;

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Long An.

3.2. Bà Phạm Thị Đ1, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Tổ 8, ấp TT B, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An.

3.3. Bà Phạm Thị Cẩm H2, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp TT B, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Văn N1

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Phan Ngọc H1 trình bày: Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 02, loại đất nuôi trồng thủy sản, diện tích  $442\text{m}^2$ , đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện CG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) cho ông ngày 14/6/2010, có nguồn gốc từ ông, bà để lại cho cha ông là ông Phan Văn Tòng sử dụng trước năm 1975. Năm 1975, ông Tòng cho lại ông tiếp tục canh tác, sử dụng từ năm 1975 cho đến nay. Thửa đất số 17 của ông giáp với thửa đất số 24 của ông N1, tuy ranh giới giữa thửa đất số 17 với thửa đất số 24 không có cột mốc cụ thể nhưng giữa hai bên sử dụng ranh giới đất ổn định, rõ ràng. Bên đất của ông là đất ao, còn bên đất ông N1 là đã san lấp thành gò, chỉ có 01 ao nhỏ. Khi ông làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ, ông có báo cho hộ liền kề chứng kiến, xác nhận ranh giới và ký giáp ranh. Trong đó, có ông N1 cũng chứng kiến xác nhận ranh giới và đồng ý ký tên vào biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất, ông N1 không có ý kiến gì. Giữa năm 2018, ông N1 đổ trụ xi măng, kiềng sắt, lấp đất phần còn lại phía sau thửa đất 24, để làm nhà bán kiên cố (tiền ché) đã lấn qua thửa đất số 24 của ông, theo diện tích đo đạc thực tế là  $11\text{m}^2$ .

Do vậy, ông khởi yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Văn N1 và bà Phạm Thị Cẩm H2 phải trả lại cho ông diện tích là  $11\text{m}^2$ , thuộc 01 phần thửa 17, tờ bản đồ số 02, loại đất nuôi trồng thủy sản; đất tọa lạc: Ấp TT B, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An. Đồng thời, yêu cầu Tòa án buộc ông N1, bà H2 phải tháo dỡ nhà bán kiên cố làm trên 01 phần thửa đất 17 có diện tích  $11\text{m}^2$  và phá nền xi măng, mốc đất trả như hiện trạng của thửa đất số 17 (chiều từ nền xi măng nhà bán kiên cố làm trên 01 phần thửa đất 17 có diện tích  $11\text{m}^2$ , xuống giáp mặt đất ao của thửa 17 là 1m ); tọa lạc: Ấp TT B, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ1 thống nhất theo ý kiến của ông Phan Ngọc H1.

Bị đơn ông Võ Văn N1 trình bày: Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, diện tích khi chưa chuyển nhượng là  $650\text{m}^2$ , đã được UBND huyện CG cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông ngày 12/5/1998. Đất có nguồn gốc của cha ông là ông Võ Văn Bảy, khi dời ấp chiến lược được nhà nước cấp. Sau đó, cha ông tặng cho lại ông. Trước khi tặng, cha ông cũng đã được cấp giấy tờ hợp pháp nhưng hiện nay không còn. Năm 2004, ông có chuyển nhượng đất cho bà Võ Thị Kim Phụng, diện tích  $64\text{m}^2$  và năm 2007, ông chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Cúc diện tích  $251\text{m}^2$ . Ngoài ra, không còn chuyển nhượng lại cho ai khác. Sau khi chuyển nhượng lại cho bà Cúc, bà Phụng thì diện tích thửa đất 24 của ông còn lại là  $335\text{m}^2$ . Giữa thửa đất 17 với thửa đất 24, không có cột mốc nào để xác định ranh giới nhưng đất của ông là đất gò còn đất của ông H1 là đất ao. Ông và cha ông có trồng dứa và cọc tràm, rào lưới B40 để đất gò không tuột xuống đất ao. Khi ông H1 đi làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận QSDĐ, ông ký giáp ranh để được cấp giấy cho ông H1 nhưng

không có dẫn ông ra chỉ ranh giới cụ thể. Năm 2018, ông có nhu cầu làm móng và làm nhà bán kiên cố để nuôi gà nên ông đã đào đất trồng trụ bê tông, kiềng sắt và đổ xi măng làm móng để làm nhà bán kiên cố (tiền chế) phía sau thửa đất 24 nhưng vẫn thuộc thửa đất 24 của ông, chứ không có lấn qua thửa đất số 17 của ông H1. Do vậy, việc ông H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông và bà H2 phải trả lại cho ông H1 diện tích là 11m<sup>2</sup>, thuộc 01 phần thửa 17, tờ bản đồ số 02, loại đất nuôi trồng thủy sản; đồng thời, yêu cầu Tòa án buộc ông và bà H2 phải tháo dỡ nhà bán kiên cố làm trên 01 phần thửa đất 17 có diện tích 11m<sup>2</sup> và phá nền xi măng, móc đất trả như hiện trạng của thửa đất số 17, ông không đồng ý.

Phần diện tích đất 11m<sup>2</sup> đang tranh chấp, thuộc 01 phần thửa đất 17, tờ bản đồ số 02 là đất ông đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ nhưng ông H1 lại đứng tên trên giấy chứng nhận QSDĐ. Do đó, ông có yêu cầu Tòa án hủy 01 phần giấy chứng nhận QSDĐ đối với diện tích 11m<sup>2</sup>, thuộc 01 phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 02, loại đất nuôi trồng thủy sản, đất tọa lạc: Ấp TT B, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An.

Ngày 06/11/2018, ông Phan Ngọc H1 khởi kiện

Ngày 06/12/2018, Tòa án nhân dân huyện CG thụ lý vụ án

Ngày 15/7/2019, ông Võ Văn N1 phản tố.

Ngày 14/10/2019, ông Phan Ngọc H1 khởi kiện bổ sung.

Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được cũng không cung cấp chứng cứ gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 115/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 Tòa án nhân dân huyện CG đã áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 164 và 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 và 203 của Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc H1.

Buộc ông Võ Văn N1 và bà Phạm Thị Cẩm H2 phải trả lại cho ông Phan Ngọc H1 diện tích đất 11m<sup>2</sup>, thuộc 01 phần thửa 17, tờ bản đồ số 02, loại đất nuôi trồng thủy sản. Đất tọa lạc: Ấp TT B, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An.

Buộc ông Võ Văn N1 và bà Phạm Thị Cẩm H2 phải tháo dỡ nhà bán kiên cố làm trên 01 phần thửa đất 17 của diện tích đất 11m<sup>2</sup>, phá nền xi măng và móc đất trả lại như hiện trạng của thửa đất số 17 (chiều từ nền xi măng nhà bán kiên cố làm trên 01 phần thửa đất 17 của diện tích đất 11m<sup>2</sup>, xuống giáp mặt đất ao của thửa 17 là 1m); tọa lạc: Ấp TT B, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An; Diện tích cụ thể kèm theo mảnh trích đo bản đồ địa chính số 189, hệ tọa độ: VN-2000, ấp TT B, tờ bản đồ số: 02, tỷ lệ: 1/1000, đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ký ngày 05 tháng 9 năm 2019.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn N1, về việc yêu cầu Tòa án hủy 01 phần giấy chứng nhận QSDĐ đối với diện tích đất 11m<sup>2</sup>, thuộc 01 phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 02, loại đất nuôi trồng thủy sản; đất tọa lạc: Ấp TT B, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Phan Ngọc H1 số BC 081636 ngày 14 tháng 6 năm 2010.

Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và bản vẽ ông Võ Văn N1 và bà Phạm Thị Cẩm H2 phải trả lại cho ông Phan Ngọc H1 số tiền 7.400.000 đồng.

Về án phí: Ông Võ Văn N1 và bà Phạm Thị Cẩm H2 liên đới phải chịu 2.887.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 05/12/2019, ông Võ Văn N1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông. Nguồn gốc đất diện tích 11m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 17, tờ bản đồ số 02 loại đất nuôi trồng thủy sản là của cha ông để lại cho ông. Án sơ thẩm xác định của ông H1, buộc ông tháo dỡ nhà tiền chế trả đất là không đúng

Tại Toà phúc thẩm,

Nguyên đơn ông Phan Ngọc H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Võ Văn N1 không rút kháng cáo.

Bị đơn ông Võ Văn N1 trình bày: Diện tích đất 11m<sup>2</sup> thuộc thửa 24 do cha ông để lại cho ông nhưng Nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho ông H1. Trường hợp xác định đất thuộc thửa 17 của ông H1 thì ông đề nghị được sử dụng đất và trả giá trị. Trường hợp ông H1 đồng ý, ông sẽ hoán đổi đất ở phía sau thuộc thửa 24 của ông cho ông H1. Ngoài ra, không tranh luận gì khác.

Nguyên đơn ông Phan Ngọc H1 không đồng ý kháng cáo và đề nghị của phía ông N1 cũng không tranh luận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Ông H1 sử dụng thửa đất số 17 có nguồn gốc cha ông là ông Tòng để lại từ năm 1975. Ông N1 sử dụng thửa 24 cũng của cha là Võ Văn Bảy để lại. Giữa hai thửa đất không có ranh nhưng thửa 17 là đất ao còn thửa 24 là đất gò. Hai bên sử dụng đất ổn định. Năm 2018, ông N1 tự ý san lấp làm nền xi-

măng dựng nhà tiền chế trên một phần thửa số 17, diện tích đo đạc khi tranh chấp là 11m<sup>2</sup>. Ông N1 trình bày ranh đất là cọc tràm và lưới B 40 nhưng qua thẩm định không xác định được ranh. Theo biên bản xác định ranh giới, mốc giới ngày 20/8/2009, các bên thừa nhận và ký giáp ranh đất. Biên bản này phù hợp hiện trạng đất của ông H1 sau khi phát sinh tranh chấp được cơ quan chức năng đo đạc tại Mảnh trích đo. Theo Mảnh trích đo diện tích đất 11m<sup>2</sup> thuộc thửa 17, tờ bản đồ số 2 nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H1 là có căn cứ. Do đó, đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### 1. Về Tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Võ Văn N1 kháng cáo hợp lệ, vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Đương sự không kháng cáo vắng mặt hợp lệ, căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử.

[1.3] Nguyên đơn ông H1 khởi kiện cho rằng quyền sử dụng đất của ông bị lấn chiếm. Bị đơn ông N1 không đồng ý nên Tòa án nhân dân huyện CG xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Ông N1 có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H1, Tòa án nhân dân huyện CG xem xét bác yêu cầu nhưng không xác định quan hệ là thiếu quan hệ tranh chấp.

[1.4] Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, cấp phúc thẩm xét xử lại nội dung án sơ thẩm xét xử có kháng cáo.

#### [2] Về nội dung:

[2.1] Ông Phan Ngọc H1 là người sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 02, loại đất nuôi trồng thủy sản, diện tích 442m<sup>2</sup> có nguồn gốc của cha là ông Phan Văn Tòng sử dụng trước năm 1975. Năm 1975, ông Tòng cho lại ông H1 tiếp tục canh tác, sử dụng ổn định liên tục và được UBND huyện CG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/6/2010.

[2.2] Ông Võ Văn N1 là người sử dụng thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, diện tích khi chưa chuyển nhượng là 650m<sup>2</sup>, có nguồn gốc từ đất của cha ông là ông Võ Văn Bảy cho lại, được UBND huyện CG cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 12/5/1998. Sau khi chuyển nhượng, diện tích còn lại là 335m<sup>2</sup>.

[2.3] Ranh giới giữa thửa đất số 17 với thửa đất số 24, tuy không có cột mốc cố định nhưng thửa đất số 17 hiện trạng là đất ao, còn thửa đất số 24 hiện trạng đất gò. Mặt khác, khi ông H1 làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ liền kề trong đó có ông Võ Văn N1 xác nhận ranh giới và ký giáp ranh vào biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày ngày 20/8/2009. Ngày

14/6/2010, ông H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến năm 2018 không có ai khiếu nại, ý kiến gì. Ông N1 cho rằng ông ký nhưng không có ra thực tế xác định và ranh đất có cọc trầm và rào lưới B40 nhưng qua thẩm định không có mốc ranh như ông trình bày.

[2.4] Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 thể hiện có kích thước đo đạc tứ cạnh. Đối chiếu Mảnh trích đo địa chính số 189-2019 được duyệt ngày 05/9/2019 thể hiện: Diện tích đất của ông H1 cạnh phía Đông là 13m nhưng đo thực tế chỉ có 10,4m nếu cộng 1,8m tranh chấp cũng chỉ có 12,2m. Mặt khác, cũng theo Mảnh trích đo địa này diện tích đất 11m<sup>2</sup> tại vị trí D đang tranh chấp theo ranh bản đồ địa chính thuộc thửa 17 chứ không thuộc thửa 24, tờ bản đồ số 02. Thực tế này phù hợp lời trình bày những người ở xung quanh đều xác định ranh đất của thửa 17 và 24 đúng như hiện trạng. Việc ông N1 làm nhà tiền chế đã lấn ranh đất thửa 17 của ông H1 cho nên án sơ thẩm bác yêu cầu phản tố của ông N1, chấp yêu cầu khởi kiện của ông H1 là có căn cứ.

[3] Phía ông N1 tiếp tục kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ gì khác chứng minh. Ông N1 đề nghị được giữ nguyên hiện trạng, trả giá trị đất nhưng không được phía ông H1 đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm, áp dụng Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, kháng cáo không được chấp nhận ông N1 phải chịu, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm giữ nguyên có hiệu lực.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 1 Điều 308, Điều 293 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn N1

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 115/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện CG

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1, 4 Điều 91; Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 164 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc H1 đối với ông Võ Văn N1 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Buộc ông Võ Văn N1 và bà Phạm Thị Cẩm H2 phải tháo dỡ nhà bán kiên cố có kết cấu: Tường xây gạch lững cao 0,2m phần còn lại ốp tole thiếc, Cột sắt kê tán, Vách tôn thiếc, nền xi-măng, Mái tole thiếc xà gồ thép (theo chứng thư thẩm định giá); phá nền xi măng làm trên diện tích đất, (từ nền xi măng nhà bán kiên cố làm trên 01 phần thửa đất 17 của diện tích đất 11m<sup>2</sup>, xuống giáp mặt đất ao của thửa 17 là 1m) trả lại hiện trạng đất diện tích đất 11m<sup>2</sup> thuộc 01 phần thửa 17, tờ bản đồ số 02, loại đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại ấp TT B, xã hước Lại, huyện CG, tỉnh Long An. Vị trí D theo mảnh trích đo bản đồ địa chính số 189, đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ký ngày 05 tháng 9 năm 2019. Tứ cận:

Đông giáp giao điểm của cạnh 13,1m và 12,6m.

Tây giáp lối đi dài 1,8m;

Nam giáp thửa 24 dài 12,6m;

Bắc giáp thửa 17 (vị trí Đ) dài 13,1m

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn N1 về việc hủy quyết định hành chính cá biệt.

Bác yêu cầu của ông Võ Văn N1 về việc yêu cầu hủy 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 081636 ngày 14 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện CG đã cấp cho ông Phan Ngọc H1 đối với diện tích đất 11m<sup>2</sup>, thuộc 01 phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 02, loại đất nuôi trồng thủy sản. Đất tọa lạc tại ấp TT B, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và bản vẽ: 7.400.000đ. Buộc ông Võ Văn N1 và bà Phạm Thị Cẩm H2 phải chịu và nộp để hoàn lại cho ông Phan Ngọc H1.

4. Về án phí:

Miễn tiền án phí cho ông Phan Ngọc H1, do không tạm ứng nên không hoàn trả.

Ông Võ Văn N1 và bà Phạm Thị Cẩm H2 liên đới phải chịu 2.887.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn N1 phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001777 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG.

5. Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,

7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện CG;
- Chi cục THADS huyện CG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Quán**



**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Thị Hồng Vân – Phùng Thị Cẩm Hồng**

**Trần Văn Quán**